

廣亞學校財團法人
育達科技大學性別平等教育委員會設置辦法
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC KỸ THUẬT DỤC ĐẠT
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP ỦY BAN GIÁO DỤC
BÌNH ĐẲNG GIỚI

中華民國 94 年 1 月 13 日台訓(三)字第 0940004543 號函核備
Ngày 13 tháng 01 năm 2005, Công văn số 0940004543, ký hiệu 台訓(三), phê duyệt lưu chiểu.
中華民國 98 年 7 月 30 日育亞(秘)字第 0980004306 號令發布
Ngày 30 tháng 7 năm 2009, Lệnh số 0980004306, ký hiệu 育亞(秘), ban hành.
中華民國 99 年 8 月 11 日育亞(學務)字第 0990005405 號令發布
Ngày 11 tháng 8 năm 2010, Lệnh số 0990005405, ký hiệu 育亞(學務), ban hành.
中華民國 100 年 6 月 8 日第十次校務會議修正
Ngày 08 tháng 6 năm 2011, sửa đổi tại Hội nghị Công vụ lần thứ mười của Nhà trường.
中華民國 100 年 6 月 27 日育亞(秘)字第 1000004543 號令發布
Ngày 27 tháng 6 năm 2011, Lệnh số 1000004543, ký hiệu 育亞(秘), ban hành.
中華民國 102 年 6 月 26 日一〇一學年第六次(總次第廿三次)校務會議修正
Ngày 26 tháng 6 năm 2013, sửa đổi tại Hội nghị Công vụ lần thứ sáu năm học 101 (tổng lần thứ hai mươi ba).
中華民國 102 年 7 月 8 日育亞(學務)字第 1020004227 號令發布
Ngày 08 tháng 7 năm 2013, Lệnh số 1020004227, ký hiệu 育亞(學務), ban hành.
中華民國 104 年 7 月 2 日育亞(秘)字第 1040005855 號令發布
Ngày 02 tháng 7 năm 2015, Lệnh số 1040005855, ký hiệu 育亞(秘), ban hành.
中華民國 105 年 6 月 15 日一〇四學年第四次(總次第三十七次)校務會議修正
Ngày 15 tháng 6 năm 2016, sửa đổi tại Hội nghị Công vụ lần thứ tư năm học 104 (tổng lần thứ ba mươi bảy).
中華民國 105 年 6 月 20 日育亞(學務)字第 1050005598 號令發布
Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Lệnh số 1050005598, ký hiệu 育亞(學務), ban hành.

第 一 條 廣亞學校財團法人育達科技大學(以下簡稱本校)為推動校園性別平等觀念，防範與處理校園性侵害、性騷擾或性霸凌事件發生，保障教職員工生權益，建立性別平等之教育資源與環境，依據性別平等教育法規定，設置性別平等教育委員會（以下簡稱本會），訂定本辦法。

Điều 1: Trường Đại học KHKT Dục Đạt (sau đây gọi tắt là “Nhà trường”), nhằm thúc đẩy nhận thức về bình đẳng giới trong khuôn viên trường, phòng ngừa và xử lý các vụ việc xâm hại tình dục, quấy rối tình dục hoặc bạo lực giới tính trong trường học, bảo vệ quyền lợi của giảng viên, nhân viên và sinh viên, thiết lập tài nguyên và môi trường giáo dục bình đẳng giới, căn cứ theo quy định của Luật Giáo dục Bình đẳng Giới, thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới (sau đây gọi tắt là “Ủy ban”) và ban hành quy định này.

第 二 條 本會之職掌如下：

Điều 2: Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban như sau:

一、統整學校各單位相關資源，擬訂性別平等教育實施計畫，落實並檢視其實施成果。

1. Tổng hợp các nguồn tài nguyên của các đơn vị liên quan trong trường, lập kế hoạch thực hiện giáo dục bình đẳng giới, triển khai và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

- 二、規劃或辦理學生、教職員工及家長性別平等教育相關活動。
2. Lập kế hoạch hoặc tổ chức các hoạt động giáo dục bình đẳng giới cho sinh viên, giảng viên, nhân viên và phụ huynh.
- 三、研發並推廣性別平等教育之課程、教學及評量。
3. Nghiên cứu, phát triển và phổ biến chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy và đánh giá về giáo dục bình đẳng giới.
- 四、研擬性別平等教育實施與校園性侵害、性騷擾或性霸凌之防治規定，建立機制，並協調及整合相關資源。
4. Xây dựng các quy định về triển khai giáo dục bình đẳng giới và phòng ngừa xâm hại tình dục, quấy rối tình dục hoặc bạo lực giới tính trong khuôn viên trường; thiết lập cơ chế thực hiện, đồng thời điều phối và tích hợp các nguồn tài nguyên liên quan.
- 五、調查及處理與性別平等教育法及性別工作平等法有關之案件。
5. Điều tra và xử lý các vụ việc có liên quan đến Luật Giáo dục Bình đẳng Giới và Luật Bình đẳng Giới trong Lao động.
- 六、規劃及建立性別平等之安全校園空間。
6. Quy hoạch và xây dựng không gian khuôn viên trường học an toàn, bảo đảm bình đẳng giới.
- 七、推動社區有關性別平等之家庭教育與社會教育。
7. Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới trong cộng đồng.
- 八、其他關於學校或社區之性別平等教育事務。
8. Các công tác khác liên quan đến giáo dục bình đẳng giới trong nhà trường hoặc cộng đồng.

第 三 條

本會置委員十七至二十一人，由當然委員及推舉委員組成之。

校長、業管副校長、主任秘書、教務長、學務長、總務長、人事室主任、通識教育中心中心主任、副教務長、學生事務處學生輔導與諮商中心主任為當然委員。推選委員包括教師委員三人至七人，學生委員三人，職工委員三人，家長委員一人。女性委員應占全體委員人數二分之一以上。

教師委員由校長遴聘具有性別平等意識、心理、法律專長之專任教師擔任之；學生委員由學生會推舉日間部二人、進修部一人擔任之；職工委員由職工推舉三人擔任之，推舉作業由人事室辦理；家長委員由學生事務處推舉，報請校長聘任之。另得視需要聘相關專業領域人員為諮詢顧問。

本會委員為無給職任期一年，得連續聘任。

Điều 3:

Hội đồng có từ mười bảy đến hai mươi một ủy viên, bao gồm ủy viên đương nhiên và ủy viên được đề cử.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách nghiệp vụ, Chánh Thư ký, Trưởng phòng Giáo vụ, Trưởng phòng Học vụ, Trưởng phòng Tổng vụ, Trưởng phòng Nhân sự, Chủ nhiệm Trung tâm Giáo dục Đại cương, Phó Trưởng phòng Giáo vụ, Chủ nhiệm Trung tâm Tư vấn và Tham vấn Sinh viên thuộc Phòng Công tác Sinh viên là Ủy viên đương nhiên. Ủy viên được đề cử bao gồm: Từ ba đến bảy ủy viên là giảng viên, Ba ủy viên là sinh viên, Ba ủy viên công đoàn, một ủy viên là phụ huynh. Số lượng ủy viên nữ phải chiếm ít nhất một nửa (1/2) tổng số ủy viên của Hội đồng.

Ủy viên giáo viên do Hiệu trưởng tuyển chọn và bổ nhiệm trong số các giảng viên chính thức có ý thức về bình đẳng giới, chuyên môn về tâm lý hoặc pháp luật; ủy viên sinh viên do Hội Sinh viên tiến cử, gồm hai người thuộc hệ chính quy ban ngày và một người thuộc hệ bổ túc, ủy viên chức công do tập thể người lao động bầu chọn ba người đảm nhiệm, công tác bầu chọn do Phòng Nhân sự phụ trách, ủy viên phụ huynh do Phòng Công tác Sinh viên tiến cử và trình Hiệu trưởng bổ nhiệm. Ngoài ra, khi cần thiết có thể mời nhân sự thuộc các lĩnh vực chuyên môn liên quan làm cố vấn tư vấn.

Các ủy viên của Hội đồng này là chức vụ không hưởng lương, nhiệm kỳ một năm và có thể được bổ nhiệm liên tiếp.

第 四 條 本會置主任委員及執行秘書各一人，為無給職。主任委員由校長擔任，綜理本會相關事務，執行秘書由主任秘書擔任，承主任委員之命協助推動本會相關事務。本會置秘書一至二人由學生事務處派員擔任，處理相關行政事務。

Điều 4: Hội đồng thiết lập một Chủ nhiệm Hội đồng và một Thư ký điều hành, đều là chức vụ không hưởng lương. Chủ nhiệm Hội đồng do Hiệu trưởng đảm nhiệm, chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều hành chung các công tác của Hội đồng. Thư ký điều hành do Tổng Thư ký đảm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ nhiệm Hội đồng và hỗ trợ thúc đẩy các công tác liên quan. Hội đồng bố trí từ một đến hai thư ký, do Phòng Công tác Sinh viên cử người đảm nhiệm, phụ trách các công việc hành chính của Hội đồng.

第 五 條 本會每學期召開一次會議，必要時得由主任委員或二分之一以上委員連署，召開臨時會議。會議應有二分之一以上委員出席，始得開議。會議應有出席委員二分之一以上通過，始得決議。

Điều 5: Hội đồng họp mỗi học kỳ một lần. Trường hợp cần thiết, Chủ nhiệm Hội đồng hoặc từ một nửa (1/2) tổng số ủy viên trở lên có thể liên danh đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ một nửa (1/2) tổng số ủy viên trở lên tham dự. Nghị quyết của Hội đồng chỉ có hiệu lực khi được từ một nửa (1/2) số ủy viên tham dự biểu quyết thông qua.

第 六 條 本會所推動之工作事項由學校編列預算支應之。

Điều 6: Kinh phí thực hiện các công tác do Hội đồng thúc đẩy được nhà trường lập dự toán và chi trả theo quy định.

第 七 條 本辦法經校務會議通過，自發布日施行。

Điều 7: Quy định này được thông qua tại Hội nghị Hội đồng Trường và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.